

## NHỮNG MẢNH TÌNH TRONG THỜI TAO LOẠN

Câu thơ xưa “*Tao hóa gậy chi cuộc hí trường*” bỗng trở thành một tiếng vọng buồn thấm thía khi ta nhìn lại những mảnh đời, mảnh tình của người Miền Nam sau cuộc đổi đời. Giữa cơn xoáy của thời loạn, bao cặp vợ chồng đang yên ấm bỗng bị đẩy vào những ngã rẽ không ai kịp chọn lựa, kẻ rời trước người đi sau. Có những người nắm tay nhau run rẩy vượt biển, chọn con đường lưu lạc, dìu nhau qua biển lớn và may mắn đến được bến độ. Có người lạc mất nhau giữa đường đời; có những mảnh tình rơi lại giữa hành trình – như những chiếc lá bị cuốn trong phong ba – giữa biển đêm, giữa những nơi xa lạ trên xứ người. Và cũng có những người buộc phải buông tay nhau – không vì hết thương, mà vì cuộc sống quá khắc nghiệt để một mình gánh hết. Và cũng có những cuộc đoàn tụ muộn màng, khi hai người gặp lại nhau sau mười, hai mươi năm – nhưng mỗi người đã thuộc về một gia đình khác. Những câu chuyện ấy – không có câu chuyện nào giống với câu chuyện nào – dù đau bao nhiêu, cũng không mang theo lời trách móc. Chúng chỉ cho thấy con người nhỏ bé đến nhường nào trước những biến động lớn. Và trong sự mong manh ấy, ta lại thấy rõ hơn tình người, sự chịu đựng, và những cố gắng âm thầm để sống tiếp, dù trái tim còn mang một vết cắt không bao giờ liền hẳn. Gọi là vết thương thế kỷ của người di tản. Là kiếp sống của người lưu vong.

*“Buồn nào cho ai – Ngày tay phải chia tay  
Lệ này cho ai – Ngày chân rẽ đôi nơi...”*

¶ Tôi có một đàn anh cùng xóm. Anh là thiếu tá, Tiểu đoàn trưởng một Tiểu Đoàn Địa Phương Quân vào giữa năm 1974. Ngày Anh đi tù CS, vợ Anh ở chung nhà với cha mẹ mình cùng 2 con gái, 3 tuổi và 1 tuổi. Ngày được cho về tại địa chỉ cũ “Bàn Cờ” trên tờ giấy thả tù, lòng Anh xôn xao, nhưng căng thẳng chờ đợi một bất hạnh. Anh e dè, ngỡ ngàng bước vào nhà lúc xế trưa. Hai con gái Anh, nay 13 và 11 tuổi nhìn Anh xa lạ, hoàn toàn không biết Anh là cha ngay cả khi Anh nói rõ tên họ và kêu tên chúng. Còn vợ Anh đâu? Mẹ vợ cho biết nàng mang 2 đứa con nhỏ sau này về chơi bên gia đình chồng mới, sau khi nhận giấy báo Anh sẽ được thả về trong mấy ngày gần đây. Anh chết đứng như trời trồng giữa căn nhà, tê tái bên cạnh chiếc bị cũ chứa vài bộ quần áo rách do anh em bạn tù cho, lặng người nhìn 2 con gái của mình, trong khi nghe những lời phân bua của mẹ nàng. Em nó và cả nhà đều nghĩ Anh đã chết trong tù. Hoặc giả, nếu còn sống, cũng chẳng biết khi nào được cho về. Nhà ta càng lúc càng túng thiếu, tình trạng rất bị đát, chạy đâu cho ra tiền. Anh đi tù có để lại tiền bạc gì đâu! Vợ con Anh cần tiền để sống, đó là chưa kể chuyện bị thôi thúc đi kinh tế mới. Cuối cùng em nó phải nghĩ đến chuyện sống còn và nuôi con. Nó mới đành phải lấy cái thằng yêu nó lúc 2 đứa cùng chung trường trung học với nhau. Anh cứ tạm ở đây đi. Nhưng xin Anh xử đẹp và hiểu là chúng đã có 2 con với nhau và nuôi luôn cả 2 con của Anh nữa...

Sét đánh ngang tai. Đất trời sụp đổ. Điều lo âu sợ hãi nhất của người cải tạo trong những ngày tháng tù đầy vô vọng đã phơi bày. Nỗi tủ nhục bị phản bội ê chề. Không một dẫn đò và trong một thôi thúc nghịch lý, Anh quyết định rời nhà dù chưa biết mình sẽ đi đâu. Một quyết định nhanh chóng và sắc bén, như Anh đã từng làm nhiều lần trong lâm nguy khi Anh còn chỉ huy cả trăm quân trong trận mạc. Anh ngập ngừng đến vuốt đầu 2 con rồi lặng lẽ bước ra. Thêm một lần nữa Anh là người thua cuộc, trắng tay. Anh là kẻ bại trận, Anh đã thua trong cuộc chiến lẫn trong cuộc tình. Bên ngoài, trời nắng chang chang, nhưng Anh bỗng nổi cơn lạnh run tới tận xương tủy và xâm xoàng. Như một con thú bị trúng thương, Anh lao đảo vừa đi vừa hấp tấp chạy xa căn nhà cũ trong nhạt nhòa uất ức của mồ hôi lẫn nước mắt, khiến Anh vấp té vào một xe 2 bánh và gãy cổ chân phải. Anh bỏ đi trong hờn tủi, mang theo vết thương nghiệt ngã.

Nhưng rồi thời gian, như một dòng nước âm thầm, đã gột rửa trong anh những cay đắng. Đến Mỹ theo diện HO, khi nhìn hai con gái lớn lên, khi nghĩ về những quyết định có thể sai lầm của chính mình trong chiến tranh, những binh lính của mình kẻ chết người bị thương, Anh hiểu rằng không ai trong cuộc đời này hoàn toàn vô tội hay hoàn toàn có lỗi. Người vợ cũ của Anh cũng chỉ là một người mẹ đơn độc giữa thời cuộc nghiệt ngã. Thế là, thay vì tiếp tục sống trong bóng đêm của trách móc oán hận, Anh chọn cách mở lòng. Anh đã tha thứ cho chính mình và cho người vợ năm xưa, để nỗi đau của hai bên nhẹ xuống. Anh khuyến khích hai con gái bảo lãnh mẹ, người chồng sau của mẹ, và hai đứa em cùng mẹ khác cha sang đoàn tụ. Một gia đình từng tan nát bởi chiến tranh, bởi hiểu lầm... cuối cùng lại ngồi chung một bàn ăn nơi đất Mỹ. Không phải ai cũng làm được điều đó. Ta gọi đó là tình thương độ lượng.

¶ Anh là Đại đội trưởng một Tiểu Đoàn Nhảy dù, đơn vị của Anh được lệnh rút về Vũng Tàu từ Long Khánh. Đến khi lệnh trên cho phép mọi binh sĩ vượt thoát ra biển, đơn vị Anh không còn phương tiện, đành thuê những chiếc thuyền của ngư phủ làm phương tiện ra khơi đến các thuyền lớn đang chờ đợi ngoài xa. Trong dòng người hỗn loạn ấy, một người đàn ông bình dị, có con gái 16 tuổi đi theo phụ cha, đã dùng ghe của mình giúp nhóm binh sĩ của Anh. Giây phút cuối khi chiếc tàu lớn vừa áp sát – và có lẽ do đã quan sát thấy Anh là một người chỉ huy trách nhiệm, tư cách, lo cho các binh sĩ thuộc quyền trọn vẹn – người cha bất ngờ ôm con gái mình lên, đặt vào tay người sĩ quan trẻ. Không thể nói nhiều, ông chỉ kịp gởi gắm một lời: “Nhờ anh... chăm sóc con bé giùm tôi”, với tất cả lòng tin tưởng của mình.

Cô gái mười sáu tuổi – bơ vơ, sợ hãi, phải xa cha ngay trước mắt, xa gia đình không một tính toán trước – chỉ còn biết bám vào người sĩ quan mà cha mình đã chọn gửi gắm. Anh, giữa trách nhiệm của một người lính và lòng trắc ẩn của một con người, đã che chở cho cô suốt hành trình vượt biển, rồi những ngày dài ở trại tị nạn, rồi những tháng năm đầu tiên đầy chật vật trên đất Mỹ.

Hai năm sau, khi cô tròn mười tám tuổi, họ quyết định nắm tay nhau bước vào một cuộc đời mới. Không phải vì một lời hứa, không phải vì món nợ ân tình, mà vì giữa những mất mát của thời cuộc, họ đã tìm thấy nơi nhau một mái nhà.

Đến hôm nay, họ vẫn sống hạnh phúc bên nhau. Con cái thành đạt. Và mỗi khi nhắc lại câu chuyện cũ, người ta không thấy bi thương, mà chỉ thấy một điều rất lạ lùng: giữa một cuộc chia lìa lớn của dân tộc, vẫn có những mảnh đời được ghép lại bằng sự tử tế và một lời hứa.

¶ Một đồng môn của tôi, vào Quân Y sau tôi một năm, như bao bác sĩ đành khoác áo quân nhân khi đất nước cần, cũng chịu cảnh tù đày của CS. Mấy năm sau xuất trại, Anh đem gia đình gồm vợ và 2 con trai về sống tại Rạch Giá, cốt tìm đường vượt biên. Sau nhiều bắt bớ, nguy hiểm, nước biển vào ngập thuyền, thuyền bị tắt máy giữa đại dương – nhưng máy bỗng chạy được sau những lời cầu nguyện thấu tận trời, Anh và con trai lớn đến được Thái Lan. Mỗi bước chân của Anh đều in dấu của mất mát. Từ trại tị nạn, anh nghe tin vợ mình đã có người khác. Sang đến Mỹ, Anh vừa rửa chén nhà hàng, vừa làm phụ tá phòng mổ, vừa gửi từng đồng lương ít ỏi về nuôi vợ con và làm giấy tờ bảo lãnh. Nhưng rồi người vợ ấy lại bỏ đứa con út ở lại, hẳn tâm vượt biên theo một người đàn ông khác – để lại cho Anh thêm một vết thương khó gọi thành tên.

Thế nhưng điều đẹp nhất lại nằm ở đoạn sau của cuộc đời Anh. Anh không để nỗi đau biến mình thành con người cay nghiệt. Anh học lại nghề cũ, trở thành bác sĩ, rồi gặp một người vợ mới hiền lành, tử tế, có ăn học, vừa đẹp người lại vừa đẹp tính, biết bù đắp những thiếu hụt của đời Anh. Họ có thêm hai con trai. Và điều khiến bạn bè cảm động nhất là: bốn đứa con – hai của vợ trước, hai của vợ sau – lớn lên trong cùng một mái nhà, yêu thương nhau như ruột thịt, thành đạt và sống hiền hòa.

Một gia đình từng bị chiến tranh chia lìa xé nát, cuối cùng lại được hàn gắn bằng sự bao dung của một người đàn ông đã đi qua quá nhiều bão tố. Trong những câu chuyện của thời tao loạn, có những mảnh tình tan vỡ, nhưng cũng có những tấm lòng biết dựng lại cuộc đời bằng sự tử tế — và chính những tấm lòng ấy mới là điều khiến người ta còn tin vào nhau.

¶¶ Chị và Anh yêu nhau khi chị là sinh viên năm thứ nhất và Anh là một sĩ quan Nhảy Dù hiên ngang với bộ quân phục hoa dù và nón Beret đỏ. Giữa những ngày cuối cùng của cuộc chiến, khi Khánh Dương đổ lửa và những đoàn quân rút lui trong tuyệt vọng, chị nhận tin người yêu mất tích. Tin ấy đến như một tiếng sét, cắt đôi tuổi trẻ của chị, để lại trong lòng một khoảng trống không gì lấp được. Ngày 30 tháng 4, như một người máy chị theo gia đình di tản, ra đi mà lòng quặn đau, bất định, biết rằng từ đây mọi người vĩnh viễn mất nước, và chị, vĩnh viễn xa rời và mất luôn cả Anh.

Qua đến Fort Chaffee, Arkansas, chị vừa lo lắng vừa hân hoan biết mình đang mang trong người giọt máu của người yêu. Những tháng ngày đầu nơi xứ lạ, chị sống như một chiếc bóng. Nhiều lần chị nghĩ đến cái chết, nhưng rồi bàn tay nhỏ bé đang thành hình trong bụng đã giữ chị lại với cuộc đời. Chị sống vì đứa con, và vì một hy vọng mong manh rằng một ngày nào đó sẽ có tin tức của anh.

Nhưng cuộc đời không chờ đợi nỗi đau của một người đàn bà trẻ. Chị phải lấy chồng, người Mỹ, để có chỗ dựa, để nuôi con, để tiếp tục... chờ đợi. Mãi đến gần hai mươi năm sau, khi con gái chị đang là sinh viên năm thứ nhất đại học, chị mới có được địa chỉ của người yêu xưa. Chỉ cần biết Anh vẫn còn sống, chị quyết định về Việt Nam, dù đang trong giai đoạn cuối của ung thư vú, mang theo trái tim đã chai sạn vì thời gian, nhưng vẫn run rẩy như cô gái năm nào. Khi bước vào nhà ở một nơi đèo heo hút gió xa hẳn thị trấn nhỏ, trước mắt chị là một hình hài với chân phải cụt lên tận đầu gối, áo quần xóc xệch, tóc tai bung xung. Chị bật khóc chạy đến gần, trong một thoáng kịp nhìn thấy hai vũng mắt lờm sâu không có tròng mắt. Chị đột nhiên khuyu người xuống, như thể toàn lực dành cho chuyến đi bỗng cạn kiệt. Cùng lúc ấy, bóng một người đàn bà đi nhanh từ bếp nâng chị dậy.

Anh bị thương nặng ở chân trên đường rút quân, cố gắng lết xa khỏi trận chiến và ẩn núp trong bụi rậm. Ngày hôm sau, địch tìm thấy Anh và bắt Anh làm tù binh. Anh nghĩ vết thương ở chân phải có thể lành nếu được chữa trị với trụ sinh và băng bột, nhưng tên y sĩ trại tù chọn cách dễ là tháo khớp gối. Sau đó Anh còn bị đạn nổ trong khi nhóm lửa rừng sưởi ấm ở trại tận bên Cao Miên, khiến cả 2 con mắt của Anh bị hư nặng tuy vẫn nhìn thấy rất mờ. Vì vậy Anh được thả cho rời trại sớm. Trên đường khổ sở, một mình thất thủ về lại làng phố, Anh bỗng gặp một người đàn bà chưa một lần quen biết, hiện tại là vợ của Anh, đem Anh về nhà săn sóc. Chồng trước của bà là một người lính Địa Phương Quân tử trận 2 năm trước ngày mất nước. Trong vài năm sau đó, đôi mắt Anh làm độc kinh niên nên bác sĩ đành phải múc bỏ cả hai bên.

Chị lặng yên ngồi nghe, tiếng được tiếng không, tê tái cõi lòng, nhớ lại năm xưa có lần Anh thì thầm bên chị, “may ra Anh bị thương thì chúng mình mới có thể trở thành vợ chồng.” Thế nhưng tuyệt đối chưa một lần chị nghĩ đến Anh có thể bị thương trong cuối cuộc chiến, và cũng chưa hề nghĩ Anh đã phải trải qua những giai đoạn khổ sở cùng cực như vậy. Từ một nam nhân oai hùng ngày xưa, nay Anh là một phế nhân với những vết thương tàn phá nặng nề trên cơ thể. Đôi mắt ngày xưa, nơi chị thường hay nhìn vào để tìm hình ảnh của tình yêu và sức sống của tuổi trẻ mình, nay chỉ là 2 mí mắt nhíp gần nhau nằm sâu trong một khoảng màu trắng ở giữa. Giờ đây chị mới hiểu vì sao em gái của Anh tránh không cho chị biết nhiều về tình trạng của Anh. Chị bỗng cảm thấy gần gũi với vợ của Anh, thầm cảm ơn rằng Ông Trời sắp đặt cho Anh tìm được ánh sáng diệu hiền giữa đường qua sự săn sóc, cứu vớt, nuôi nấng, bao bọc, che chở, yêu thương của người vợ này. Như một Bà Tiên hiện ra nguyên vẹn để dẫn dắt, cuu mang, nâng đỡ chàng Thiên Thần Mũ Đỏ của chị trong sa cơ thất thế, khi cánh dù bị chà đạp, tan tác trong cuộc đời.

Qua một đêm cùng nhau tâm sự, chị thấy lòng mình nhẹ đi, như thể cuối cùng chị đã tìm được câu trả lời cho những năm dài chờ đợi. Chị kể chuyện về đứa con gái của mình, để lại cho vợ Anh tất cả số tiền mang theo. Nhưng tuyệt nhiên chị không hề hé mở cho biết chị đang bị ung thư giai đoạn cuối. Khi trở lại Mỹ, chị nói hết sự thật cho con gái biết về cha và dặn con hãy về thăm cha – mang theo chiếc xe lăn và phần lớn tiền tiết kiệm của mẹ. Sau đó không lâu chị qua đời. Một đời người, từ tuổi trẻ đến lúc nhắm mắt, chỉ có một mối tình – mối tình không trọn, nhưng sâu đến tận đáy tim.

Giữa những câu chuyện tang thương của thời tao loạn, có những mảnh tình không bao giờ được sum họp, nhưng lại sáng lên bằng sự hy sinh thầm lặng của một người đàn bà đã yêu đến giây phút cuối cùng.

🔒 Trong những câu chuyện tình yêu bị thời cuộc xé nát, có những mảnh đời không chỉ tan vỡ mà còn bị giam hãm trong một thứ bóng tối không có tên. Như chuyện của nữ sinh viên năm xưa – dịu dàng, học giỏi, được nhiều bạn bè thương mến. Người từng theo đuổi cô, một chàng sinh viên từng xuống đường trong biến động Miền Trung, trốn vào bung, trở về Huế trong những ngày Mậu Thân với một khuôn mặt khác: lạnh lùng, tàn nhẫn, sẵn sàng giết cả những người từng là bạn học.

Sau 1975, trong men chiến thắng và quyền lực, anh ta quay lại ép buộc cô phải lấy mình. Không phải bằng tình yêu, mà bằng lời đe dọa: nếu cô từ chối, cha mẹ sẽ bị tịch biên nhà cửa, cha sẽ bị bắt đi tù. Không có lựa chọn, cô đành gật đầu – không phải để cứu mình, mà để cứu gia đình. Suốt mấy chục năm, cô sống một đời lạnh lẽo như chiếc bóng trong chính ngôi nhà của mình. Ít bạn bè, ít tiếng cười, ít bước chân ra ngoài. Người chồng quyền thế đứng trước thiên hạ như một kẻ chiến thắng, còn cô thì sống như một người bị giam trong chiếc lồng vô hình của nỗi sợ và bòn phận.

Khi cô mất, những người bạn cũ – những người đã biết câu chuyện của đời cô – không khóc òa, mà thở ra một tiếng thật dài. Một tiếng thở mang theo nỗi thương xót, nhưng cũng là một niềm an ủi: cuối cùng, cô đã được phóng sinh. Cuối cùng, cô đã thoát khỏi những năm tháng bị dấn vặt, khỏi cuộc hôn nhân không có tình yêu, khỏi cái bóng quyền lực ma quỷ đè lên đời mình.

Trong vô số mảnh tình của thời tao loạn, có những mảnh không tan vì chia ly, mà tan vì bị bóp nghẹt. Và đôi khi, cái chết lại là cánh cửa duy nhất mở ra sự giải thoát cho một kiếp người hiền lành.

🔒 Trong những ngày cuối của cuộc chiến, khi mọi thứ dần dần sụp đổ thành phố lần lượt bị bỏ ngỏ, vị chỉ huy của một đơn vị Nhảy Dù vẫn đứng ở vị trí của mình, giữa trách nhiệm, giữa đơn vị, giữa lời thề của một sĩ quan. Ông biết mình không thể rời bỏ binh sĩ, nhưng cũng biết vợ và ba đứa con nhỏ không thể ở lại. Vậy là ông thu xếp cho họ đi

trước, bằng tất cả ông có thể làm trong hỗn loạn. Một quyết định rất đúng, nhưng vừa đau lại vừa mang theo nỗi bất an mà ông không bao giờ nói ra, vì vợ ông chưa bao giờ biết làm gì ngoài chuyện lo cho gia đình và các con còn nhỏ.

Rồi ông đi tù. Hơn mười năm. Những năm tháng ấy không chỉ hao mòn sức lực, mà còn bào mòn luôn cả những gì ông từng biết trong quá khứ và niềm tin vào tương lai. Khi được HO đưa sang Mỹ, ông mang theo một hy vọng nhỏ nhoi: được gặp lại gia đình, được nhìn thấy vợ con bình yên sau bao năm xa cách.

Nhưng khi đứng trước căn nhà nơi họ đang sống, ông nhìn thấy một sự thật mà không ai nói ra: vợ ông đã có chồng mới. Không lời trách móc, không một câu hỏi, không một giọt nước mắt. Ông chỉ đứng đó rất lâu, rồi lặng lẽ quay đi.

Không trở lại. Không tìm gặp. Không liên lạc với thuộc quyền, không tìm bạn bè Võ Bị, không nhận mình là ai trong quá khứ. Ông chọn một tiểu bang xa lắc, nơi không ai biết ông từng là một cấp chỉ huy lừng lẫy, từng có những người lính sẵn sàng sống chết theo lệnh ông. Ông sống một đời giản dị, lặng lẽ, như thể muốn xóa đi dấu vết của chính mình. Nhưng không oán hận. Không kể lể.

Chỉ sống, một cách khiêm nhường, cô độc, và đầy tự trọng.

Trong vô số mảnh tình bị thời cuộc xé nát, có những mảnh không tan vì phản bội, mà tan vì chiến tranh đã lấy đi quá nhiều thời gian, quá nhiều năm tháng mà không ai có thể bù đắp. Và có những người đàn ông, như ông, chọn cách mang nỗi đau ấy đi thật xa, để không làm phiền ai, để giữ lại chút phẩm giá cuối cùng cho chính mình.

🔒🔒 Trong những ngày cuối của cuộc chiến, khi mọi thứ đang nghiêng ngả, người thiếu tá Không Quân ấy đã chọn một con đường mà 1 thiếu số người đàn ông thời ấy đã chọn: ra đi trước, mang theo người vợ bé và hai đứa con nhỏ. Ông giữ kín chuyện ấy, không một lời báo cho gia đình bên vợ — những người vẫn tin rằng ông là người chồng, người cha đang chiến đấu, và sẽ tìm đường cho cả nhà cùng đi tản một lúc.

Nhiều năm sau, khi đã ổn định ở Canada, ông làm giấy tờ bảo lãnh ba người con với người vợ chính sang trước. Rồi phải thêm vài năm nữa, các con mới bảo lãnh được mẹ của chúng sang đoàn tụ.

Nhìn từ bên ngoài, câu chuyện ấy có một vết nứt rất rõ: sự phản bội của một người chồng đã chọn một gia đình khác, một cuộc đời khác, rồi để lại người vợ chính âm thầm nuôi con trong những năm tháng hậu chiến đầy thiếu thốn.

Nhưng nhìn sâu hơn, lại thấy một điều khác: ông không bỏ rơi các con. Ông đưa chúng sang trước, lo cho tương lai của chúng, rồi để chính các con mở đường cho mẹ sang sau.

Trong cái sai của một người đàn ông, vẫn còn một chút trách nhiệm, một chút dây nối không đành cắt đứt.

Khi người vợ chính sang được Canada, bà không mấy dịp gặp lại người chồng xưa nữa. Chỉ còn lại ba đứa con, và một sự thật mà bà đã biết từ lâu nhưng chưa bao giờ nói thành lời.

Không trách móc. Không đòi hỏi. Không làm lớn chuyện.

Bà sống phần đời còn lại bên các con cháu, còn ông, sống với gia đình mới của mình – hai thế giới song song, không va chạm, không đối thoại, nhưng cũng không thù hận.

Trong vô số mảnh tình bị thời tao loạn làm rạn vỡ, có những mảnh không vỡ vì hận thù, mà vỡ vì con người không đủ mạnh để giữ trọn một lời hứa trong cơn biến động quá lớn. Và đôi khi, điều còn lại duy nhất để níu giữ chút nhân phẩm là: lo cho con cái, dù muộn màng, dù không trọn vẹn.

☪☪ Tiếp sau đây là một câu chuyện đẹp, đẹp vô cùng cho đến nỗi tôi phải dừng lại một chút – không phải để tìm chữ mà viết – mà để thở, cho trái tim kịp lắng xuống trước một mảnh đời mà tình người vượt qua được hệ lụy của chiến tranh, của mất mát, của lỗ làng cùng với những ngã rẽ tưởng như không thể nào “châu về hiệp phố”.

Trong những ngày cuối của cuộc chiến, khi miền Trung chìm trong hỗn loạn, người chồng, một sĩ quan cấp chỉ huy, mất tích giữa rừng núi, không ai biết sống chết ra sao. Người vợ, ôm ba đứa con nhỏ, theo dòng người di tản, trôi dạt đến trại chuyển tiếp Camp Pendleton. Lạc lõng, bơ vơ, không một tin tức từ quê nhà, bà nhận được sự cứu rỗi của một người đàn ông Mỹ, người đã bảo lãnh mẹ con bà sang một cuộc đời mới.

Rồi thời gian trôi. Mười lăm năm.

Ba đứa con lớn lên, đứng trước ngưỡng cửa đại học, được nuôi nấng đàng hoàng trong một mái ấm bình yên. Người vợ tưởng như đã khép lại quá khứ, chấp nhận một đời sống mới, một gia đình mới.

Cho đến ngày người chồng cũ — người đã mất tích năm xưa — bất ngờ xuất hiện trên đất Mỹ theo diện HO. Ông biết rõ hoàn cảnh của vợ mình. Biết bà đang hạnh phúc. Biết ba đứa con đang được chăm sóc tử tế. Và ông chọn cách lủi lại.

Không trách móc. Không đòi hỏi. Không chen vào cuộc sống đã yên ổn của người vợ xưa.

Giữ kín niềm đau trong tim, ông lặng lẽ đến một tiểu bang khác, sống một mình, giữ liên lạc âm thầm với ba đứa con, và chờ đợi – không phải chờ một điều gì cụ thể, mà chờ một

on lạ, như cách những người từng đi qua chiến tranh vẫn âm thầm hy vọng vào một phép màu.

Rồi một ngày, phép màu ấy đến thật.

Người chồng Mỹ qua đời.

Người vợ xưa trở về với ông, mang theo hai đứa con riêng – hai đứa trẻ mà ông đón nhận bằng một tấm lòng rộng mở, không phân biệt. Không nề hà, không so đo. Ông ôm chàng chúng vào lòng không một do dự – như chính con ruột của mình.

Và thế là một gia đình mới hình thành — nhưng cũng là gia đình cũ, được ghép lại bằng những mảnh vỡ đã từng tưởng như không thể hàn gắn. Ba đứa con lớn, hai đứa con nhỏ, những người bạn đời của chúng... tất cả quây quần bên ông như một phép lành muộn màng.

Không còn biên giới giữa quá khứ và hiện tại. Không còn ranh giới giữa con chung, con riêng.

Chỉ còn lại tình người, thứ duy nhất đủ mạnh để xóa đi mọi đổ vỡ của thời tao loạn.

Một câu chuyện đẹp đến mức khiến người ta tin rằng “Khi trái tim còn biết yêu thương, thì không có gì là quá muộn”.

☪☪ Trong tháng hỗn loạn của cuộc di tản, chị, con nhà quyền quý, giàu sang, theo gia đình sang Mỹ. Còn Anh, người chồng bác sĩ vừa ra trường, bị kẹt lại với đơn vị, không kịp về Sài Gòn. Hai người lấy nhau qua mai mối, chưa kịp sống đủ một đời vợ chồng để kịp hiểu nhau, thì chiến tranh đã xé đôi số phận.

Mười năm sau, anh vượt biên. Sóng gió, đói khát, trại tỵ nạn... tất cả chỉ là những thử thách Anh chấp nhận để tìm lại vợ mình. Khi được vợ bảo lãnh sang Mỹ, Anh tưởng rằng mình đã đến được bến bờ bình yên. Nhưng ngay ngày đầu tiên bước vào căn nhà ấy, chị chỉ vào garage — nơi có sẵn một chiếc giường — và nói bằng giọng thản nhiên đến lạnh người:

“Tôi đã có chồng khác. Chúng tôi rất hạnh phúc. Anh ở đây một tháng, rồi nên đi tìm nơi khác để sống.”

Không giận dữ. Không khóc. Không trách.

Anh chỉ đứng đó, chết lặng. Mười năm tù, trong nhà tù nhỏ, nhà tù lớn trên chính quê hương của mình, vượt biển, vượt cả nỗi cô đơn, sợ hãi... để rồi nhận lại một cánh cửa đóng ngay trước mặt. Ba ngày sau, nhờ bạn bè giúp đỡ, Anh rời khỏi căn nhà ấy và quyết

định biến mất khỏi cuộc đời người vợ cũ – như một cách giữ lại chút phẩm giá cho chính mình.

Rồi Anh bắt đầu lại từ đầu. Học lại Y khoa. Thi lại bằng cấp.

Làm lại cuộc đời từ con số không.

Và, như một món quà muộn màng nhưng xứng đáng, Anh gặp một người phụ nữ hiểu biết, nhân hậu, trân trọng Anh bằng tất cả những gì Anh đã trải qua. Hai vợ chồng sống hạnh phúc, làm thiện nguyện, giúp đỡ cộng đồng — như thể Anh muốn trả lại cho đời những gì đời đã từng lấy đi của Anh.

Trong vô số mảnh tình bị thời tao loạn làm rạn vỡ, có những mảnh vỡ tưởng như tàn nhẫn lại mở ra một con đường khác — sáng hơn, đẹp hơn. Và đôi khi, chính những cú rơi lạnh lùng lại đưa con người đến đúng nơi họ thuộc về.

🔔 Trong trận đánh cuối cùng ở Xuân Lộc, Anh — một người lính tác chiến của binh chủng Nhảy Dù — bị thương nặng. Đầu, mặt, mắt, cổ, ngực đầy mảnh lựu đạn trong một lần tiên chiếm vị trí địch. Khi được tản thương bằng trực thăng Chinook về Tổng Y Viện Cộng Hòa, giữa cơn mê tỉnh chập chờn, Anh chỉ kịp nhìn thấy mờ mờ hình bóng một cô y tá dân sự biệt phái đang cúi xuống băng bó cho mình. Một khuôn mặt hiền, một đôi tay nhẹ, một giọng nói tiếng Bắc nhỏ như sương.

Rồi ngày 30 tháng 4 đến. Anh – cùng hàng ngàn thương binh khác – bị kẻ chiến thắng tổng ra khỏi bệnh viện, bỏ mặc giữa đường đời, không thuốc men, không chăm sóc, không một lời thương xót.

Nhiều năm sau, nhờ quen biết và thủ tục “đầu tiên” Anh được nhận vào làm việc tại bệnh viện Nguyễn Văn Học, trong bộ phận dưỡng khí. Và chính tại nơi tưởng như rất bình thường ấy, định mệnh mở lại cánh cửa của nó.

Một buổi sáng, Anh nhìn thấy một người phụ nữ bước vào. Vẫn dáng đi ấy. Vẫn đôi mắt ấy. Vẫn khuôn mặt mà Anh từng thấy trong khoảnh khắc giữa sống và chết trên chiếc trực thăng tản thương năm nào.

Cô y tá năm xưa, bây giờ là nhân viên của bệnh viện Quân Dân Y Long Khánh, đứng trước mặt Anh, cũng sững sờ như Anh. Không cần lời giải thích. Không cần hỏi han. Chỉ một ánh nhìn là đủ để hai người nhận ra nhau giữa biển người của một đất nước đã đổi màu.

Từ giây phút ấy, họ bắt đầu lại – không phải từ quá khứ, mà từ sự biết ơn, từ sự trân trọng, bởi một mối dây vô hình đã nối họ từ ngày Xuân Lộc rực lửa.

Họ yêu nhau. Rồi cưới nhau. Rồi vượt biên cùng nhau vào giữa thập niên 80.

Giờ đây, định cư tại Florida, anh chị sống bình an, hạnh phúc, và hoạt động mạnh mẽ trong Gia Đình Mũ Đỏ — như một cách trả lại nghĩa tình cho những người đã từng cùng họ đi qua lửa đạn.

Một câu chuyện tưởng như lạ lùng, nhưng lại đẹp đến mức khiến người ta tin rằng: giữa đố nát của chiến tranh, vẫn có những sợi chỉ tơ hồng âm thầm nối hai con người lại với nhau, để cuối cùng, họ tìm được nhau trong bình yên.

🔒🔒 Họ là hai người bạn thân từ thuở thanh xuân, cùng khoác áo Không Quân, cùng lớn lên bên nhau, cùng chia sẻ và thân quen với một bạn gái cùng chung xóm, một người lái phản lực, người kia lái trực thăng. Cô bạn là một cô gái Bắc Kỳ nhỏ nhỏ của xóm đạo, người mà cả hai đều thương mến theo cách riêng của mình.

Khi chiến tranh đến hồi nghiệt ngã, người phi công trực thăng đóng quân xa Sài Gòn, không thể về kịp để đưa vợ con đi. Anh chỉ còn biết gửi gắm tất cả cho người bạn thân — người lái phản lực — nhờ đưa vợ mình đi trước. Một lời nhờ vả trong hỗn loạn, nhưng cũng là một lời tin tưởng tuyệt đối giữa hai người đàn ông từng có cùng chí hướng như nhau.

Điều Anh không biết: người bạn ấy đã từng thầm yêu người vợ của mình từ thuở cả ba còn vô tư chơi chung. Nhưng tình bạn lớn hơn tình yêu. Anh bạn phản lực không nói gì, chỉ lặng lẽ làm tròn lời nhờ vả.

Sang Mỹ, Anh phải sống chung nhà với vợ bạn mình, cùng nhau nuôi hai đứa con nhỏ của người bạn đang kẹt trong tù cải tạo. Không ai gọi tên mối quan hệ ấy, nhưng họ sống với nhau như một gia đình — không phải vì đam mê, mà vì trách nhiệm, vì tình bạn, vì thương nhau, và cùng gánh một phần đời quá nặng.

Khi người phi công trực thăng được HO đưa sang Mỹ, Anh bạn phản lực lặng lẽ thu xếp hành lý, rời khỏi thị xã, nhường lại mái nhà cho bạn mình. Không một lời than trách. Không một giọt nước mắt. Chỉ có sự tự trọng và tình bạn được giữ trọn vẹn.

Nhưng tình cảm không vì thế mà mất đi.

Cuối tuần nào, người đàn bà ấy cũng trở về thăm người bạn chồng — người đã từng cuu mang mình, nuôi con mình, chia sẻ những năm tháng cô đơn nhất. Một giao ước không lời, nhưng bền như sợi chỉ hồng nối ba phận người lại với nhau.

Và khi người phi công trực thăng qua đời vì những căn bệnh âm ỉ từ kiếp tù đày, người bạn phản lực lại mở cửa đón bạn mình trở về — không phải như một cuộc chiếm đoạt, mà như một sự trở lại đúng chỗ, đúng người, đúng thời điểm.

Hai đứa con, nay đã trưởng thành, đứng bên họ trong lễ cưới, xem ông như cha, vì ông đã lo cho chúng suốt những năm tháng cha ruột còn trong tù.

Một câu chuyện tưởng như lạ kỳ, nhưng lại đẹp theo cách rất riêng:

Tình bạn có thể đi qua chiến tranh, qua lỗ làng, qua cả những điều không thể gọi tên — và cuối cùng, vẫn giữ được sự tử tế, sự thủy chung, và một kết thúc thật nhân hậu.

☪☪ Anh từng là sĩ quan tác chiến Nhảy Dù, tính tình phóng khoáng, hào sảng, sống hết mình với bạn bè và đồng đội. Vợ Anh là một vũ nữ nổi tiếng sắc nước hương trời, hai người có với nhau hai đứa con nhỏ. Đến ngày 28 tháng 4, khi Anh chạy về nhà giữa hỗn loạn, chỉ còn bà vú trao cho anh một lá thư. Trong đó, vợ anh viết vội:

“Lo cho hai đứa nhỏ. Tôi đi với người khác.”

Không kịp buồn, không kịp trách, Anh chỉ còn biết một tay dắt con gái, một tay bế con trai, chạy đôn đáo tìm đường thoát thân. Cuối cùng, ba cha con đến được Mỹ – một gà trống nuôi hai con giữa xứ lạ, ai nhìn vào cũng thương.

Rồi Anh gặp một người phụ nữ khác, có học vị cao, nhưng cũng mang một vết thương đời: chồng bà có thể di tản được, nhưng chọn ở lại Việt Nam vì có những ràng buộc tình ái khác, để sau đó vào tù cả chục năm. Hai phận người lỡ dở, hai mái nhà tan vỡ, gặp nhau giữa đất Mỹ.

Họ gom lại năm đứa trẻ: ba con gái của bà, hai đứa con của Anh.

Và trong căn nhà ấy, chỉ có một người đàn ông chạy xuôi chạy ngược: lo nhà cửa, lo cơm nước, lo từng đứa nhỏ, để bà có thời gian tiếp tục đi học. Anh nâng đỡ bà từng bước, cho đến ngày bà lấy được bằng tiến sĩ Giáo Dục — một thành tựu mà chính Anh là người đứng phía sau, âm thầm làm bệ đỡ.

Năm đứa trẻ lớn lên, thành đạt, tử tế. Ba cô con gái của bà xem Anh như cha ruột. Hai đứa con của Anh xem bà như mẹ.

Đến ngày con gái của bà lên xe hoa, dù cha ruột có mặt, cô vẫn nắm tay Anh – người đã nuôi mình, dạy mình, thương mình — để bước vào lễ đường. Một sự ghi nhận đẹp đẽ, giản dị, nhưng sâu sắc hơn mọi lời nói.

Giờ đây, họ sống hạnh phúc, bình an, trong sự thương yêu và biết ơn của cả năm đứa con mà tất cả đều gọi Anh bằng Cha. Anh vẫn là người đàn ông hào phóng, ngay thẳng, nói năng có duyên, luôn rộng lòng với bạn bè, với người quen, và đặc biệt với Gia Đình Mũ Đỏ, nơi Anh từng thuộc về.

Một câu chuyện đẹp đến mức khiến người ta tin rằng: gia đình không chỉ được tạo nên bởi máu mủ, mà còn bởi lòng nhân hậu và sự hy sinh của một con người biết yêu thương.

Bạn đọc mền, mười hai câu chuyện, mười hai mảnh tình kèm theo là bao nhiêu thân phận bị xô đẩy trong từng câu chuyện, tưởng như rời rạc – nhưng khi đặt cạnh nhau, chúng lại hiện lên như một dòng chảy chung của một thế hệ đã đi qua chiến tranh, vượt biên, tù đày, chia ly, tái hợp, và cả những lỗ làng không ai muốn, không ai trách cứ.

Nhìn lại tất cả, người ta mới thấy: trước vận nước nghiêng ngả, con người như những chiếc lá nhỏ, bị cuốn theo dòng đời không ai cưỡng nổi. Nhưng điều kỳ lạ là, dù bị cuốn đi, dù bị dập vùi, dù bị xé nát, những chiếc lá ấy vẫn giữ được màu xanh của hy vọng, của cảm thông, của tha thứ đầy tình người.

Những câu chuyện trên chỉ là chóp bu của một tảng băng ngầm với bao chuyện tương tự có cùng màu sắc trong thế hệ những người “di tản buồn”. Chúng kể lại cách con người đã cứu nhau, trong giai đoạn mà tình yêu không chết, chỉ đổi hình; tình bạn không mất, chỉ đi vòng; gia đình không tan, chỉ được dựng lại bằng cách này hay cách khác. Và con người, dù nhỏ bé, vẫn biết che chở nhau trong cơn bão đời.

Và trên hết, yếu tố thời gian luôn là một liều thuốc bổ. Không những nó làm cho vết thương mờ dần, mà vì nó cho ta đủ khoảng lặng để nhìn lại, để hiểu, để tha thứ – cho chính mình và cho người – để cảm thông... và để buông. Để hiểu điều còn lại, sau tất cả – không phải là chiến tranh, không phải sự độc ác của một chế độ vô sản. Cũng không phải là thời cơ, không phải hận thù, không phải những mất mát khó bù đắp – mà là tình người – thứ duy nhất đủ mạnh để nói lại những gì thời cuộc nghiệt ngã đã xé nát – Tạo hóa gây chi cuộc hí trường.

Nếu ai đó đọc những câu chuyện trên và thấy thấp thoáng bóng dáng đời mình, hay của gia đình, người thân gần xa, bạn bè... thì có lẽ họ sẽ thấy nhẹ đi một phần. Khi biết mình không cô độc. Khi thấy nỗi đau của mình không phải là vô nghĩa. Khi biết có những trường hợp tương tự xảy ra. Và nhất là biết rằng những vết thương không chảy máu vẫn có thể được xoa dịu – qua sự chia sẻ, qua câu nguyện, qua cảm thông, qua tha thứ. Với lòng nhân, với sự chân thành trong đối xử và nâng đỡ nhau. Bằng những bàn tay nối kết với bàn tay giúp nhau đứng dậy, bằng những ánh mắt thông cảm, một nghĩa cử đẹp nhỏ, một sự tử tế không cần đền đáp, một trái tim sáng và mềm hơn. Và một nén hương cho cả một thế hệ. Cho cùng những ai vẫn mang một vết thương âm thầm trong cô đơn. Giữa những đổ nát của lịch sử, điều duy nhất còn lại, điều duy nhất có thể hàn gắn vết thương lòng, điều duy nhất giúp con người đứng dậy – đó chính là sự nhân ái của tình người chân thật.

Và nếu bài viết này góp được một phần nhỏ bé vào việc hàn gắn những vết thương âm thầm ấy, thì nó đã làm tròn sứ mệnh của nó.

Để kết thúc, xin bạn đọc trải lòng nghe bản nhạc “Buồn Nào Cho Ngươi” của nhạc sĩ Lê Tín Hương, để cảm nhận sự “xót xa trên từng nhánh hồn ta”.

**Vĩnh Chánh,**  
viết cho tháng 4, 2026.



---

*Nguồn: Internet eMail by nga nguyen chuyển*

*Đăng ngày thứ Ba, May 26, 2026  
tkd, Khoá 10A-72/SQTB/DD, ĐĐ11/TĐ1ND, QLVNCH*